

Số: 01/2025/QĐST- VHNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thị Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 18/2025/QĐST- VHNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- **Anh Nguyễn Đình Q**, sinh năm 1992

- **Chị Kiều Thị X**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đều ở thôn B, xã P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, TP Hà Nội (cũ) vào ngày 28/9/2011. Anh chị đã được UBND xã L (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 085/2011 ngày 28/9/2011. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì cán bộ xã không yêu cầu anh chị xuất trình Giấy khai sinh. Khi đó anh Q chưa đủ tuổi kết hôn nên đã kê khai sinh ngày 08/01/1992 để được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Song thực tế theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân của anh Q thì anh Q sinh ngày 31/8/1992, như vậy Giấy chứng nhận kết hôn đã được cấp cho anh Q khi anh Q chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình vợ chồng chung sống, anh chị có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Châu A, sinh ngày 05/7/2012, cháu Nguyễn Việt C, sinh ngày 24/6/2015 và cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 08/10/2018.

Gần đây, khi anh chị đi làm một số thủ tục hành chính thì các cơ quan Nhà nước phát hiện ra ngày tháng năm sinh của anh Q ghi trong Căn cước công dân, trong sổ hộ khẩu không trùng khớp với trong Giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, anh chị gặp vướng mắc trong khi làm các thủ tục hành chính và đã bị thu lại bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

Vì vậy, anh chị yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật để anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn lại và đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của anh chị kể từ khi đủ tuổi kết hôn vì vợ chồng anh chị vẫn sống hạnh phúc bình thường.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội thụ lý giải quyết việc dân sự này là đúng thẩm quyền; Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và các thời hạn bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 29, 149, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình Q và về việc hủy kết hôn trái pháp luật, hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/9/2011, do UBND xã L cấp cho anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Q và chị X là hợp pháp kể từ ngày 01/9/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hà Nội nhận định:

[1] Anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X kết hôn do tự nguyện. Anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, TP Hà Nội (cũ) vào ngày 28/9/2011. Anh chị đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 085/2011, ngày 28/9/2011.

Khi anh chị đến UBND xã L làm thủ tục đăng ký kết hôn, cán bộ thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn không yêu cầu anh chị xuất trình Giấy khai sinh. Biết do chưa đủ tuổi kết hôn nên anh Q đã khai tăng tuổi lên để được đăng ký kết hôn. Theo Giấy khai sinh thì anh Q sinh ngày 31/8/1992 nhưng khi đăng ký kết hôn, anh Q kê khai sinh ngày 08/01/1992. Do không kiểm tra xác minh nên UBND xã L đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/9/2011 cho anh Q, chị X. Như vậy, thực tế, tính đến thời điểm đăng ký kết hôn thì anh Q chưa đủ 20 tuổi. Đối chiếu

với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Q chưa đủ tuổi kết hôn.

Do vậy, anh Q, chị X đã yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh chị và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị vì anh Q đã đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 01/9/2012.

[2] Xét thấy: Yêu cầu của anh Q, chị X là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy, yêu cầu của anh Q, chị X là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Anh Q, chị X phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 29, 149, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật: Hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/9/2011 của UBND xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội (cũ). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 01/9/2012.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự phải nộp: Anh Nguyễn Đình Q và chị Kiều Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 003366 ngày 05/8/2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định tại Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 9 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 9 – Hà Nội,
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đỗ Thị Minh Loan